

CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP THEO CƠ CHẾ KIÊM NHIỆM TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TƯ THỰC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TỪ GÓC NHÌN KHOA HỌC QUẢN LÝ

LÊ VĂN KHA
Trường THPT Đông Quan
Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên

Nhận bài ngày 11/03/2026. Sửa chữa xong 10/4/2026. Duyệt đăng 18/4/2026.

Abstract

This article analyzes the current situation of homeroom teaching under the concurrent assignment mechanism in private high schools from a management science perspective, based on surveys of homeroom teachers and students. The results show that homeroom teachers simultaneously undertake multiple functions, including managing classroom order, coordinating with parents, supporting learning, providing psychological guidance, and facilitating class activities. However, the concurrent assignment mechanism also increases workload pressure, while the effectiveness of student self-management, classroom democracy, and students' willingness to share with homeroom teachers remain limited. These limitations reflect shortcomings in task assignment, school-family coordination mechanisms, and capacity support for homeroom teachers. Based on these findings, the article proposes a set of management-oriented solutions, such as reasonably reducing administrative duties, standardizing parent coordination mechanisms, enhancing classroom management skills, providing support for coping with and addressing students' psychological issues, improving students' self-management abilities, and creating a safe and highly participatory classroom environment.

Keywords: Homeroom teacher; Private high school; Concurrent assignment mechanism; Classroom management; Management science.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông, công tác chủ nhiệm lớp ngày càng giữ vai trò quan trọng trong quản trị nhà trường và hỗ trợ học sinh. Ở các trường THPT tư thực, giáo viên chủ nhiệm không chỉ duy trì nề nếp lớp học mà còn phải phối hợp với phụ huynh, hỗ trợ học sinh về học tập, hành vi và tâm lý. Nhiều trường tư thực tiếp nhận học sinh có sự đa dạng về học lực, tâm lý và hoàn cảnh gia đình, trong đó có những em cần được hỗ trợ nhiều hơn về kiến thức và hành vi. Vì vậy, công tác chủ nhiệm cần được thực hiện linh hoạt, chú trọng theo dõi cá nhân hóa và tăng cường phối hợp giáo dục. Tuy nhiên, tại nhiều cơ sở giáo dục ngoài công lập, công tác chủ nhiệm vẫn chủ yếu mang tính kiêm nhiệm, khiến giáo viên phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ trong khi thời gian và sự hỗ trợ còn hạn chế. Do đó, hoạt động này thường phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân, việc vận dụng các nguyên tắc khoa học quản lý còn hạn chế. Vì vậy, cần tiếp cận công tác chủ nhiệm lớp như một hoạt động quản trị lớp học, được tổ chức và vận hành theo các nguyên tắc của khoa học quản lý. Bài viết tập trung trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: (1) Thực trạng công tác chủ nhiệm lớp theo cơ chế kiêm nhiệm tại các trường THPT tư thực hiện nay như thế nào; (2) Những giải pháp nào có thể góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong điều kiện thực tiễn của nhà trường tư thực.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm công tác chủ nhiệm lớp theo cơ chế kiêm nhiệm

Công tác chủ nhiệm lớp là hệ thống các hoạt động quản lý, giáo dục, hỗ trợ và phối hợp do giáo

Email: asianseduvn@gmail.com

viên chủ nhiệm thực hiện nhằm tổ chức tập thể lớp, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của học sinh và thúc đẩy sự phát triển toàn diện. Trong bối cảnh hiện nay, công tác này không chỉ dừng ở quản lý hành chính mà còn bao gồm tư vấn, hỗ trợ cá nhân hóa, phối hợp với phụ huynh, tổ chức tự quản và xử lý các tình huống trong môi trường học đường. Cơ chế kiểm nhiệm là việc giáo viên vừa giảng dạy chuyên môn vừa đảm nhận vai trò chủ nhiệm lớp. Cách tổ chức này giúp tận dụng nguồn lực nhưng đồng thời làm tăng khối lượng công việc và đòi hỏi giáo viên có năng lực quản lý, giao tiếp và hỗ trợ học sinh cao hơn. Tại các trường THPT tư thục, công tác chủ nhiệm theo cơ chế kiểm nhiệm chịu áp lực từ yêu cầu chất lượng giáo dục, nề nếp học sinh và sự phối hợp với phụ huynh. Đối tượng học sinh cũng đa dạng về học lực, tâm lý và hoàn cảnh gia đình, đòi hỏi giáo viên phải theo dõi và hỗ trợ cá nhân nhiều hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác này vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân và chưa được tổ chức rõ ràng theo các nguyên tắc của khoa học quản lý.

2.2. Khung lý thuyết phân tích

Nghiên cứu sử dụng ba hướng tiếp cận làm hệ quy chiếu cho việc phân tích kết quả: *Thứ nhất*, là tiếp cận hệ thống, xem lớp học như một hệ sinh thái tương tác giữa nhà trường, gia đình, giáo viên và học sinh; từ đó, hiệu quả công tác chủ nhiệm không thể tách rời cơ chế phối hợp giữa các chủ thể liên quan; *Thứ hai*, là lý thuyết lãnh đạo tình huống, nhấn mạnh yêu cầu điều chỉnh phong cách quản lý lớp học theo mức độ trưởng thành, tính tự giác và nhu cầu hỗ trợ của học sinh ở từng giai đoạn; *Thứ ba*, là tiếp cận quản lý lớp học tích cực, coi việc thiết lập quy tắc, duy trì môi trường học tập an toàn và phát huy sự tham gia của học sinh là nền tảng của quản trị lớp học hiệu quả; *Thứ tư*, áp dụng các nguyên lý khoa học quản lý vào quản trị lớp học. Tiếp cận này xem xét lớp học như một đơn vị tổ chức cơ sở, nơi giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò là nhà quản lý cấp trung.

2.3. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu trong nước về công tác giáo viên chủ nhiệm chủ yếu tập trung vào vai trò, nhiệm vụ và năng lực của giáo viên trong quản lý lớp học, duy trì nề nếp và tổ chức hoạt động giáo dục. Theo Mạc Văn Trang (2016), giáo viên chủ nhiệm không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính mà còn giữ vai trò giáo dục và điều phối các mối quan hệ trong lớp. Nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh yêu cầu về năng lực quản lý lớp, xử lý tình huống và hỗ trợ học sinh. Ở bình diện quốc tế, các nghiên cứu về quản lý lớp học chú trọng xây dựng môi trường học tập tích cực, duy trì hành vi phù hợp và nâng cao hiệu quả điều hành lớp. Egeberg, McConney và Price (2016) cho rằng quản lý lớp học hiệu quả không chỉ dựa vào kiểm soát hành vi mà còn gắn với việc thiết lập quy tắc, duy trì tương tác tích cực và tổ chức lớp học theo hướng hỗ trợ học sinh. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận công tác chủ nhiệm lớp dưới góc độ vai trò và năng lực của giáo viên, chưa làm rõ cách thức tổ chức và vận hành lớp học như một hệ thống quản lý. Trong bối cảnh các trường THPT tư thục với đối tượng học sinh đa dạng, công tác chủ nhiệm vẫn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân và chưa vận dụng rõ ràng các nguyên tắc khoa học quản lý. Đây là khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu để tiếp cận công tác chủ nhiệm lớp như một quá trình quản trị lớp học.

2.4. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến vai trò của giáo viên chủ nhiệm và quản lý lớp học trong giáo dục phổ thông, song các nghiên cứu đi sâu vào công tác chủ nhiệm lớp theo cơ chế kiểm nhiệm tại các trường THPT tư thục còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu phân tích đồng thời áp lực công việc của giáo viên chủ nhiệm, hiệu quả của cơ chế tự quản học sinh và mức độ sẵn sàng chia sẻ của học sinh trong bối cảnh đặc thù của trường tư thục, quản trị lớp học theo khoa học quản lý. Khoảng trống này là cơ sở để bài viết lựa chọn hướng tiếp cận kết hợp giữa dữ liệu giáo viên chủ nhiệm và dữ liệu học sinh nhằm phản ánh đầy đủ hơn thực trạng công tác chủ nhiệm lớp hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định lượng thông qua khảo sát bằng bảng hỏi cấu trúc. Đối tượng khảo sát gồm 240 giáo viên và 850 học sinh tại 8 trường THPT tư thục. Bảng hỏi sử dụng thang Likert 5 mức, từ 1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý, nhằm đo lường

các nhóm nội dung như áp lực công việc của giáo viên chủ nhiệm, mức độ phối hợp với phụ huynh, hoạt động hỗ trợ học sinh, năng lực tự quản của ban cán sự lớp và mức độ tham gia của học sinh trong quản trị lớp học. Đánh giá mức độ am hiểu về các học thuyết quản lý (như thuyết hệ thống, lãnh đạo tình huống), khả năng áp dụng khoa học quản lý vào vận hành lớp học, và thực trạng giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý lớp học chuyên nghiệp.

Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS. Độ tin cậy của các thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha, các giá trị nằm trong khoảng từ 0,782 đến 0,846. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả, chủ yếu là giá trị trung bình và độ lệch chuẩn, để nhận diện các đặc điểm nổi bật của công tác chủ nhiệm lớp theo cơ chế kiểm nhiệm.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Áp lực công việc của giáo viên chủ nhiệm

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chủ nhiệm theo cơ chế kiểm nhiệm khiến giáo viên phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ như quản lý nề nếp lớp học, xử lý công việc phát sinh ngoài giờ, phối hợp với phụ huynh và hỗ trợ học sinh. Từ phía giáo viên, chỉ báo “Tôi cảm thấy áp lực khi phải cân bằng giữa quy định của nhà trường và kỳ vọng của phụ huynh” đạt 3,3125; trong khi chỉ báo “Việc kết nối với phụ huynh ở trường ngoài công lập tiêu tốn quá nhiều thời gian cá nhân” đạt 3,8750. Điều này cho thấy áp lực không chỉ đến từ khối lượng công việc mà còn từ sự chồng lấn giữa thời gian công việc và thời gian cá nhân. Bên cạnh đó, chỉ báo “Thầy/cô có được đào tạo các kỹ năng khoa học quản lý lớp học không” chỉ đạt 1,7218, cho thấy nhiều giáo viên chưa được đào tạo bài bản về quản lý lớp học, quản trị hành vi học sinh và giao tiếp với phụ huynh. Vì vậy, giáo viên chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân thay vì các phương pháp quản lý khoa học, dẫn đến hiệu quả tổ chức chưa ổn định và tiêu tốn nhiều nguồn lực cá nhân. Từ phía học sinh, kỳ vọng đối với giáo viên chủ nhiệm khá cao: chỉ báo “GVCN phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trong việc giáo dục và hỗ trợ học sinh” đạt 3,8000 và “GVCN có lộ trình giúp lớp tiến bộ rõ rệt” đạt 4,2000. Điều này cho thấy giáo viên chủ nhiệm được xem như người điều phối trung tâm của lớp học, khiến áp lực nghề nghiệp trong cơ chế kiểm nhiệm càng lớn. Tuy vậy, giáo viên vẫn duy trì mức độ chủ động nghề nghiệp cao, thể hiện qua các chỉ báo như “thiết lập kênh liên lạc hiệu quả với phụ huynh” (4,6563), “phối hợp với giáo viên bộ môn để hỗ trợ học sinh” (4,5313) và “cập nhật kỹ năng giáo dục mới” (4,4688). Tuy nhiên, nếu thiếu sự hỗ trợ về tổ chức và chuyên môn, mức độ chủ động này khó có thể duy trì bền vững trong dài hạn.

4.2. Hạn chế trong tổ chức tự quản của học sinh

Dữ liệu khảo sát học sinh cho thấy cơ chế tự quản lớp học hiện nay chưa phát huy được hiệu quả thực chất. Các chỉ báo về năng lực điều hành của ban cán sự (1,7200), vai trò của tổ trưởng (2,3600) và hiệu quả phân cấp quản lý (2,1200) đều ở mức thấp. Điều này phản ánh bộ máy tự quản tuy đã được thiết lập nhưng thiếu sự tin nhiệm và vận hành còn mang tính hình thức. Nguyên nhân chủ yếu do giáo viên chủ nhiệm (GVCN) chưa được trang bị các phương pháp quản trị hiện đại như Quản lý theo mục tiêu (MBO) hay Quản lý hành vi tích cực (PBIS) để chuyển đổi từ kiểm soát sang phân quyền. Sự hạn chế này còn bộc lộ rõ qua mức độ tham gia của học sinh vào việc xây dựng quy tắc và tiêu chí thi đua lớp học (chỉ đạt 1,9600). Lớp học vẫn vận hành theo cơ chế điều hành một chiều từ GVCN, khiến sự tham gia của học sinh vào các quyết định chung còn mờ nhạt. Đáng chú ý, kết quả từ phía giáo viên cho thấy họ có nhận thức nghề nghiệp tích cực, ưu tiên rèn luyện tính tự giác (4,3125) và mong muốn đóng vai trò người truyền cảm hứng (4,0313). Tuy nhiên, do định hướng này chưa được thể chế hóa thành các quy trình quản lý khoa học và công cụ vận hành cụ thể, nên tâm huyết của giáo viên vẫn chưa chuyển hóa được thành năng lực tự chủ thực tế cho học sinh.

4.3. Hạn chế trong trao đổi nội bộ và hỗ trợ tâm lý

Một phát hiện đáng chú ý là giữa năng lực hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và mức độ sẵn sàng chia sẻ của học sinh vẫn tồn tại khoảng cách nhất định. Về phía giáo viên, các chỉ báo như “chủ động tìm hiểu hoàn cảnh và tính cách học sinh ngay từ đầu năm” (4,5000), “dành thời gian tư vấn tâm lý hoặc định hướng nghề nghiệp hằng tháng” (4,2500) và “tự tin nhận diện dấu hiệu bất ổn tâm lý của học sinh”

(4,1563) cho thấy giáo viên đã nỗ lực mở rộng vai trò sang hỗ trợ tâm lý và đồng hành cá nhân hóa. Tuy nhiên, từ phía học sinh, mức độ tin tưởng để chia sẻ còn thấp: chỉ báo “GVCN thấu hiểu và lắng nghe học sinh” đạt 3,7200, trong khi “sẵn sàng tìm đến GVCN khi gặp khó khăn tâm lý hoặc áp lực học tập” chỉ đạt 2,5200. Điều này cho thấy học sinh nhìn nhận thiện chí của giáo viên nhưng chưa xem đây là kênh hỗ trợ đủ an toàn để chủ động chia sẻ vấn đề cá nhân. Một nguyên nhân quan trọng là giáo viên chủ nhiệm phải kiêm nhiệm vai trò tư vấn tâm lý nhưng chưa được đào tạo chuyên sâu, đồng thời nhà trường chưa có đội ngũ hỗ trợ chuyên biệt như chuyên viên tâm lý hay cán bộ công tác xã hội học đường. Bên cạnh đó, cơ chế trao đổi nội bộ trong lớp cũng chưa được duy trì thường xuyên: chỉ báo về hợp giữa GVCN và ban cán sự đạt 1,7600, và việc cung cấp hướng dẫn quản lý cho ban cán sự đạt 1,8800. Những kết quả này cho thấy hạn chế trong hỗ trợ tâm lý và trao đổi nội bộ không chỉ xuất phát từ kỹ năng cá nhân của giáo viên mà còn phản ánh sự thiếu hụt về cấu trúc tổ chức và nguồn lực hỗ trợ trong nhà trường, cần được giải quyết bằng các giải pháp mang tính hệ thống.

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác chủ nhiệm lớp trong các trường THPT tư thục không còn đơn thuần là nhiệm vụ kiêm nhiệm mà mang tính chất của một hoạt động quản trị giáo dục phức hợp. Giáo viên chủ nhiệm vừa duy trì nề nếp lớp học, vừa phối hợp với phụ huynh, hỗ trợ học tập và đồng hành tâm lý với học sinh trong điều kiện thiếu cơ chế hỗ trợ tương ứng. Nhu cầu về bộ phận hỗ trợ chuyên trách được ghi nhận ở mức cao, cho thấy áp lực công việc không chỉ đến từ khối lượng nhiệm vụ mà còn từ sự thiếu hụt cấu trúc hỗ trợ, dẫn đến tình trạng quá tải và chồng lấn vai trò. Bên cạnh đó, quản trị lớp học vẫn chủ yếu dựa vào sự điều hành trực tiếp của giáo viên, trong khi cơ chế tự quản của học sinh chưa được phát huy hiệu quả, làm gia tăng gánh nặng và hạn chế năng lực tự chủ của học sinh. Đồng thời, mức độ chia sẻ của học sinh chưa cao cho thấy môi trường lớp học chưa thực sự đảm bảo an toàn tâm lý. Từ đó có thể thấy hạn chế của công tác chủ nhiệm không chỉ nằm ở đặc điểm công việc mà còn ở cách thức tổ chức chưa dựa trên các nguyên tắc khoa học quản lý. Vì vậy, cần tiếp cận theo hướng tái cấu trúc hệ thống, tăng cường hỗ trợ và phân công lại vai trò nhằm hướng tới mô hình quản trị lớp học hiệu quả hơn.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp từ góc nhìn khoa học quản lý

Các giải pháp được đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu, hướng tới việc tái cấu trúc công tác chủ nhiệm lớp theo các nguyên tắc của khoa học quản lý. Theo đó, công tác chủ nhiệm không chỉ là nhiệm vụ kiêm nhiệm của cá nhân giáo viên, mà cần được tổ chức như một hệ thống quản trị lớp học, trong đó chú trọng cấu trúc tổ chức, quy trình vận hành và năng lực hỗ trợ.

5.1. Nhóm giải pháp về cấu trúc tổ chức

Nhóm giải pháp này nhằm khắc phục tình trạng quản lý lớp học phụ thuộc chủ yếu vào giáo viên chủ nhiệm, bằng cách thiết lập cấu trúc tổ chức rõ ràng và có phân công hợp lý. Trước hết, nhà trường cần rà soát và giảm tải hợp lý các nhiệm vụ hành chính của giáo viên chủ nhiệm theo hướng tinh giản, tích hợp và số hóa, nhằm tạo điều kiện để giáo viên tập trung vào các hoạt động quản lý và hỗ trợ học sinh có chiều sâu hơn. Bên cạnh đó, cần từng bước thiết lập cơ chế hỗ trợ công tác chủ nhiệm lớp thông qua việc phân công nhân sự tham gia hỗ trợ các mảng như tư vấn tâm lý, quản lý nề nếp hoặc phối hợp với phụ huynh. Việc hình thành cấu trúc hỗ trợ này giúp chuyển từ mô hình quản lý đơn tuyến sang mô hình có phân công và chia sẻ trách nhiệm. Đồng thời, việc củng cố bộ máy tự quản học sinh cần được thực hiện theo hướng thực chất, trong đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng vị trí như lớp trưởng, tổ trưởng và các vai trò trung gian. Đây là nền tảng để thực hiện phân quyền trong quản trị lớp học và giảm tải cho giáo viên chủ nhiệm.

5.2. Nhóm giải pháp về quy trình vận hành

Nhóm giải pháp này tập trung vào việc chuẩn hóa các quy trình quản lý lớp học nhằm nâng cao tính nhất quán, minh bạch và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Trước hết, nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp thống nhất giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ

huynh, trong đó quy định rõ kênh liên lạc, thời gian phản hồi, nội dung trao đổi và quy trình xử lý các tình huống phát sinh. Cơ chế này giúp giảm áp lực giao tiếp không kiểm soát và nâng cao hiệu quả phối hợp giáo dục. Bên cạnh đó, cần tăng cường tính dân chủ trong quản trị lớp học thông qua việc tạo điều kiện để học sinh tham gia vào quá trình xây dựng quy tắc, tiêu chí thi đua và nguyên tắc ứng xử. Đây là cơ sở để chuyển từ mô hình quản lý mang tính áp đặt sang mô hình quản trị có sự tham gia. Ngoài ra, cần thiết lập các kênh trao đổi nội bộ định kỳ giữa giáo viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp, nhằm đảm bảo dòng thông tin hai chiều, phát hiện sớm các vấn đề và điều chỉnh kịp thời trong quá trình quản lý lớp học.

5.3. Nhóm giải pháp về năng lực và cơ chế hỗ trợ

Nhóm giải pháp này hướng tới nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm và bổ sung các nguồn lực hỗ trợ cần thiết. Trước hết, cần tăng cường bồi dưỡng kỹ năng quản lý lớp học cho giáo viên chủ nhiệm theo hướng chuẩn hóa năng lực quản trị lớp học, bao gồm kỹ năng phân công, giám sát, xử lý tình huống và tổ chức bộ máy lớp học. Đồng thời, việc phát triển năng lực hỗ trợ tâm lý học đường cần được chú trọng, giúp giáo viên chủ nhiệm có khả năng lắng nghe, nhận diện và hỗ trợ học sinh một cách phù hợp. Tuy nhiên, trong những trường hợp phức tạp, cần có sự phối hợp với các nguồn lực hỗ trợ chuyên biệt. Bên cạnh đó, nhà trường cần xây dựng cơ chế hỗ trợ và động viên phù hợp đối với giáo viên chủ nhiệm, bao gồm giảm bớt một số nhiệm vụ kiêm nhiệm, tăng cường hỗ trợ chuyên môn và đổi mới cách thức đánh giá theo hướng toàn diện hơn. Đặc biệt, cần từng bước thiết lập cơ chế hỗ trợ nhân sự cho công tác chủ nhiệm lớp, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

6. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy công tác chủ nhiệm lớp theo cơ chế kiêm nhiệm tại các trường THPT tư thục mang tính đa nhiệm, đặt giáo viên chủ nhiệm vào vị trí trung tâm trong quản lý, giáo dục và hỗ trợ học sinh. Trong bối cảnh học sinh có sự đa dạng về học lực, tâm lý và hoàn cảnh gia đình, công tác này đòi hỏi giáo viên phải có năng lực quản lý linh hoạt và hỗ trợ cá nhân hóa. Tuy nhiên, công tác chủ nhiệm vẫn còn một số hạn chế như áp lực công việc lớn, cơ chế tự quản của học sinh chưa được phát huy đầy đủ, tính dân chủ trong lớp học còn hạn chế và mức độ chia sẻ của học sinh chưa cao. Đặc biệt, việc vận dụng các nguyên tắc khoa học quản lý còn hạn chế, khiến vai trò quản lý chủ yếu tập trung vào lớp trưởng và bí thư đoàn thanh niên, trong khi các vị trí khác chưa được phát huy hiệu quả. Từ đó, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp cận công tác chủ nhiệm lớp theo hướng quản trị lớp học dựa trên khoa học quản lý, kết hợp giảm tải cho giáo viên, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, tăng cường phối hợp với phụ huynh và phát huy vai trò tự quản của học sinh. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác chủ nhiệm và chất lượng giáo dục trong bối cảnh trường THPT tư thục.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bain, J. (2010). *Integrating student voice: Assessment for empowerment*. The Curriculum Journal.
- [2] Bozkus, K. (2021). *A systematic review of studies on classroom management*. Educational Policy Analysis and Strategic Research, 16(2), 174–195.
- [3] Cheng, Y.-H., & Chen, Y.-C. (2018). *Enhancing classroom management through parental involvement by using social networking apps*. South African Journal of Education, 38(Suppl. 2).
- [4] Conner, J. (2022). *Who's afraid of student voice?* Education Sciences, 12(3), 193. <https://doi.org/10.3390/educsci12030193>
- [5] Egeberg, H., McConney, A., & Price, A. (2016). *Classroom management and national professional standards for teachers: A review of the literature on theory and practice*. Australian Journal of Teacher Education, 41(7).
- [6] Mạc, V. T. (2016). *Năng lực của giáo viên chủ nhiệm cấp trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [7] Nguyễn, C. T. (2025). *Thực trạng quản lý bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm ở trường THPT theo tiếp cận PDCA tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục.
- [8] Nguyễn, T. T. H. (2024). *Giáo viên chủ nhiệm trong công tác tư vấn tâm lý học đường cho học sinh trung học phổ thông*. Tạp chí Đại học Hải Dương.
- [9] OECD. (2020). *Teachers' well-being: A framework for data collection and analysis*. OECD Publishing.
- [10] OECD. (2021). *Making the most of teachers' time*. OECD Publishing.